

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA PA
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26-4-2024

Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thu Thủy.

2. Ông Nay Phen.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm -Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2023, về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thảo B**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn K, xã Kh, huyện Kim B, tỉnh H. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **Đinh Công T**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn K, xã Ia M, huyện Ia, tỉnh G. Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 22/11/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Thảo B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thảo B và ông Đinh Công T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại UBND xã K, huyện Kim B, tỉnh H

trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Đến năm 2002 vợ chồng bà B, ông T chuyển khẩu vào Thôn K, xã Ia M, huyện Ia, tỉnh G sinh sống đến nay. Thời gian đầu vợ chồng cũng hạnh phúc, nhưng từ năm 2009 đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân ông T không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và có con riêng, từ năm 2019 đến nay bà B đưa hai con về quê sinh sống, vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà B thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đinh Công T.

- Về con chung: Bà B và ông T có 02 con chung là Đinh Thị Lan A, sinh ngày 29/7/2000 và Đinh Đức A, sinh ngày 17/11/2002. Hiện cả hai con chung đều đã thành niên và tự lập được nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện ở xa, đi lại khó khăn và thường xuyên bận công việc nên ngày 08/3/2024 bà Lê Thị Thảo B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

* Về phía bị đơn ông Đinh Công T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, biết việc bà Lê Thị Thảo B khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng không hợp tác, không đến Tòa án làm việc và không cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án ông T cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa, ông T cũng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình như không cung cấp tài liệu, chứng cứ và bản tự khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Ngày 08/3/2024 nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho bà Lê Thị Thảo B được ly hôn với ông Đinh Công T.

Về con chung: Bà B và ông T có 02 con chung là Đinh Thị Lan A, sinh ngày 29/7/2000 và Đinh Đức A, sinh ngày 17/11/2002. Hiện cả hai con chung đều đã thành niên và tự lập được, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Thảo B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Lê Thị Thảo B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Đinh Công T có địa chỉ tại: Thôn K, xã Ia M, huyện Ia, tỉnh G. Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

Ngày 08/3/2024 nguyên đơn bà Lê Thị Thảo B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đinh Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về phạm vi giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đinh Công T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, biết được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên ông T không hợp tác, không có yêu cầu phản tố; không trình bày ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không giao, nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thảo B và ông Đinh Công T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/1999

tại UBND xã K, huyện Kim B, tỉnh H (theo bản sao Trích lục kết hôn số 114/2022/TLKH-BS, ngày 23/5/2022 của UBND xã K), theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án chỉ giải quyết cho ly hôn nếu “*...có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

Nhận thấy, sau khi kết hôn, năm 2002 vợ chồng bà B, ông T chuyển khẩu vào sinh sống tại Thôn K, xã Ia M, huyện Ia, tỉnh G. Quá trình sống chung giữa bà B và ông T đã nảy sinh mâu thuẫn làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân theo bà B trình bày là do ông T bài bạc, không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và có con riêng. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa nên bà B yêu cầu được ly hôn với ông T. Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình ngày 24/11/2023 thể hiện: “...Quá trình chung sống vợ chồng ông T, bà B có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân ông T bài bạc, ngoại tình nên bà B đưa con về quê sinh sống,...”. Như vậy hành vi của ông T đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, là nguyên nhân làm cho cuộc sống hôn nhân giữa bà B và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải để động viên, khuyên bảo vợ chồng bà B và ông T bỏ qua mâu thuẫn về đoàn tụ gia đình nhưng không thành bởi vì ông T không hợp tác, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án tiến hành. Tại phiên tòa hôm nay ông T cũng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Điều này chứng tỏ ông T không còn coi trọng và quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với bà B nữa.

Xét thấy, bà Lê Thị Thảo B và ông Đinh Công T sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B xử cho bà Lê Thị Thảo B được ly hôn với ông Đinh Công T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà B và ông T có 02 con chung là Đinh Thị Lan A, sinh ngày 29/7/2000 và Đinh Đức A, sinh ngày 17/11/2002. Hiện cả hai con chung đều đã thành niên và tự lập được nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Bình không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Bà B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 96, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thảo Bình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thảo B được ly hôn với ông Đinh Công T.

2. Về con chung: Bà B và ông T có 02 con chung là Đinh Thị Lan A sinh ngày 29/7/2000 và Đinh Đức A, sinh ngày 17/11/2002. Hiện cả hai con chung đều đã thành niên và tự lập được, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập đến.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Lê Thị Thảo B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thảo B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Bình đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000843, ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai. Bà B đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với người có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với người vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Pa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ia Pa;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thắng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nay Phen

Võ Thị Thu Thủy

Lê Văn Thắng

